



**Công ty Cổ phần Dược phẩm
Trung ương CPC1**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 045/QĐ-TCTD ngày 29 tháng 6 năm 2010

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 4 tháng 1 năm 2016, Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ký ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016

Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển sang mô hình cổ phần hóa và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 28 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng Quản trị	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên
	Bà Hà Lan Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21/4/2026)
	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên
	Bà Trần Thị Kim Khánh	Thành viên
Ủy ban Kiểm toán	Bà Trần Thị Kim Khánh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Tạ Văn Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/7/2026)
	Ông Nguyễn Huy Thanh	Phó Tổng Giám đốc (Nhận ủy quyền của người đại diện theo pháp luật từ 1/7/2026)
	Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Hà Giang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/8/2026)
Đại diện theo pháp luật	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở đăng ký	Số 87 Phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

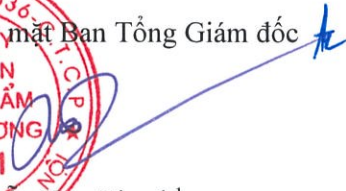
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Nguyễn Huy Thanh¹
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

¹ Bà Hàn Thị Khánh Vinh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Ông Nguyễn Huy Thanh – Phó Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 theo Giấy ủy quyền số 1229/GUQ-CPC1 ngày 29 tháng 6 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 39 của báo cáo tài chính này, trong đó đề cập đến việc các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại. Kết luận của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề này.

Vấn đề khác

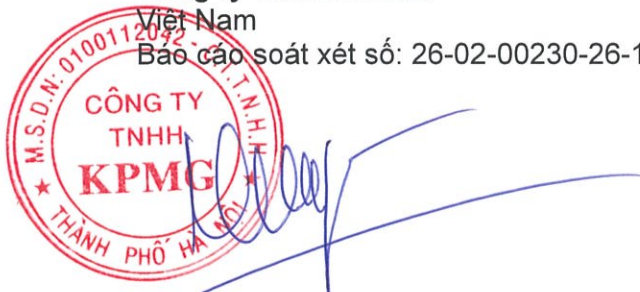
Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 39 của báo cáo tài chính này, được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2026 và báo cáo soát xét ngày 14 tháng 8 năm 2025.

Trong quá trình soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, chúng tôi đã soát xét các điều chỉnh như được trình bày tại Thuyết minh 39 được áp dụng để điều chỉnh các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với các báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoài các thủ tục soát xét được thực hiện đối với các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 39 của báo cáo tài chính này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán hay bất kỳ sự đảm bảo nào về các báo cáo tài chính đó. Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 39 của báo cáo tài chính giữa niên độ là không phù hợp hoặc không được áp dụng đúng.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00230-26-1



Lê Nhật Vương

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3849-2022-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Hữu Nam Ninh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4200-2026-007-1

M.S.D.N.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Trình bày lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		1.639.993.509.251	1.755.346.257.546
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	22.687.330.987	51.699.887.827
Tiền	111		7.687.330.987	5.299.887.827
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	46.400.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		58.373.435.615	39.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	10(a)	58.373.435.615	39.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		675.442.620.971	604.516.102.491
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	660.273.802.319	589.597.777.546
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.693.226.760	8.532.303.299
Phải thu ngắn hạn khác	135	12(a)	16.408.689.643	13.404.970.672
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	13	(4.933.097.751)	(7.018.949.026)
Hàng tồn kho	140	14	868.717.355.716	1.032.706.953.636
Hàng tồn kho	141		869.327.658.287	1.042.976.885.126
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(610.302.571)	(10.269.931.490)
Tài sản ngắn hạn khác	160		14.772.765.962	27.423.313.592
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		1.894.459.201	1.660.009.737
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		12.390.457.019	23.093.084.684
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	20	487.849.742	2.670.219.171

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Trình bày lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 270)	200		148.048.159.282	163.359.214.397
Các khoản phải thu dài hạn	210		67.550.400	739.550.400
Phải thu dài hạn khác	215	12(b)	67.550.400	739.550.400
Tài sản cố định	220		89.956.739.801	89.262.008.050
Tài sản cố định hữu hình	221	15	59.678.811.001	61.396.775.250
Nguyên giá	222		222.632.702.537	220.352.168.457
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(162.953.891.536)	(158.955.393.207)
Tài sản cố định vô hình	227	16	30.277.928.800	27.865.232.800
Nguyên giá	228		33.111.346.000	30.571.666.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.833.417.200)	(2.706.433.200)
Tài sản dở dang dài hạn	250		-	2.539.680.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	2.539.680.000
Đầu tư tài chính dài hạn	260		31.665.708.739	43.404.088.939
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	10(b)	32.511.198.461	32.511.198.461
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	10(b)	(845.489.722)	(1.107.109.522)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	12.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	270		26.358.160.342	27.413.887.008
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	17	25.336.099.828	24.885.162.036
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	18	1.022.060.514	2.528.724.972
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.788.041.668.533	1.918.705.471.943

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Trình bày lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.211.875.448.922	1.338.326.478.844
Nợ ngắn hạn	310		1.211.112.448.922	1.337.713.478.844
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	650.119.576.150	656.786.156.909
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.091.570.812	7.863.793.553
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		52.660.971.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	20	31.456.726.650	20.440.860.144
Phải trả người lao động	315		8.307.101.729	15.384.959.312
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	21	6.089.315.014	5.786.618.583
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		734.500.000	548.600.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	22	4.999.715.818	4.754.356.102
Vay ngắn hạn	321	23	418.380.736.221	610.875.667.651
Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	1.092.549.250
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	24	29.272.235.528	14.179.917.340
Nợ dài hạn	330		763.000.000	613.000.000
Phải trả dài hạn khác	338		763.000.000	613.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	25	576.166.219.611	580.378.993.099
Vốn cổ phần	411	26	209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.790.000.000	209.790.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.444.991.780	2.444.991.780
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		363.931.227.831	368.144.001.319
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	420a		300.518.183.131	259.544.077.081
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		63.413.044.700	108.599.924.238
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.788.041.668.533	1.918.705.471.943

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập

Trương Thị Huệ
Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người được ủy quyền của
người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Huy Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
				Trình bày lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.246.250.225.251	1.032.688.200.351
Giá vốn hàng bán	11	30	1.080.211.758.964	877.122.718.418
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		166.038.466.287	155.565.481.933
Doanh thu hoạt động tài chính	22	31	10.566.346.627	12.253.285.705
Chi phí tài chính	23	32	18.019.092.810	27.359.918.821
Trong đó: Chi phí đi vay	24		16.262.860.595	8.401.478.788
Chi phí bán hàng	25	33	65.353.930.184	60.237.638.162
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	8.244.376.823	18.779.233.889
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		84.987.413.097	61.441.976.766
Thu nhập khác	31		53.998.590	3.283.232.338
Chi phí khác	32		2.781.607.691	309.241.806
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.727.609.101)	2.973.990.532
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		82.259.803.996	64.415.967.298
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	17.340.094.838	14.812.271.039
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	36	1.506.664.458	(1.384.800.000)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		63.413.044.700	50.988.496.259
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.690	2.114

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập



Trương Thị Huệ
Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người được ủy quyền của
người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Huy Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC**ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026	30/6/2025
			VND	VND
				Trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		82.259.803.996	64.415.967.298
Khấu hao TSCĐ	02		4.636.105.465	4.123.609.821
Các khoản dự phòng	03		(13.099.649.244)	(1.227.032.031)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.017.852.015	4.507.339.703
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(2.119.801.650)	(252.291.607)
Chi phí đi vay	06		16.262.860.595	8.401.478.788
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		89.957.171.177	79.969.071.972
Tăng các khoản phải thu	09		(54.910.234.496)	(79.850.692.301)
Giảm hàng tồn kho	10		173.649.226.839	14.535.856.196
Giảm các khoản phải trả	11		(11.587.586.043)	(11.544.543.784)
(Tăng), giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.196.010.392)	544.162.850
			195.912.567.085	3.653.854.933
Chi phí đi vay đã trả	14		(15.755.636.168)	(8.429.390.081)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.697.048.983)	(13.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(86.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		171.373.881.934	(17.775.535.148)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.280.534.080)	(2.603.680.926)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(68.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.626.564.385	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.746.366.035	252.291.607
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.907.603.660)	(2.351.389.319)

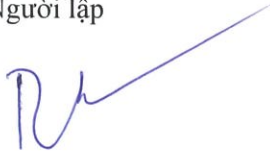
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
				Trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		676.842.982.880	577.953.505.095
Tiền trả nợ gốc vay	34		(869.337.914.310)	(498.379.197.299)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.996.857.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(192.494.931.430)	68.577.450.296
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(29.028.653.156)	48.450.525.829
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	9	51.699.887.827	9.507.536.737
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		16.096.316	3.258.646
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	22.687.330.987	57.961.321.212

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập

 Trương Thị Huệ
 Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

 Nguyễn Hồng Đức
 Kế toán trưởng

Người được ủy quyền của người đại diện theo pháp luật


 Nguyễn Huy Thanh
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là bán buôn thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 257 nhân viên (1/1/2026: 286 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Chi tiết như sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 297/24A, Đường Lý Thường Kiệt, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 75-76-77, Khu dân cư số 2, Đường Phần Lãng, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Nghệ An	Số 11, Đường Lenin, Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a)(i));
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 4(c)(ii));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d)); và
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(k)).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được mô tả tại Thuyết minh số 3.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư, và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (“hợp đồng BCC”) mà Công ty không có quyền đồng kiểm soát đối với các hoạt động nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng BCC. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Công ty được các bên hữu quan phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 59 năm
▪ Máy móc, thiết bị	2 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải	4 – 9 năm
▪ Thiết bị văn phòng	2 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 33 đến 45 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(k) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được nghiệm thu và xác nhận bởi khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hiện tại Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là bán buôn thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

7. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền mặt	310.422.931	617.516.560
Tiền gửi ngân hàng (*)	7.376.908.056	4.682.371.267
Các khoản tương đương tiền (**)	15.000.000.000	46.400.000.000
	22.687.330.987	51.699.887.827

(*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	3.635.026.820	2.870.315.938
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	1.266.348.368	625.441.929
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	875.232.689	584.963.929
Các ngân hàng khác	1.600.300.179	601.649.471
	7.376.908.056	4.682.371.267

(**) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 2 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và hưởng lãi suất 4,75%/năm (1/1/2026: 4,75%/năm).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/6/2026				1/1/2026			
	Lãi suất	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Lãi suất	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại:								
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	6,5%	5.073.632.876	5.073.632.876	-	7,7%	6.000.000.000	6.000.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	4,75% - 8,5%	43.295.604.109	43.295.604.109	-	7,2% - 7,3%	33.000.000.000	33.000.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	8,2%	10.004.198.630	10.004.198.630	-	8%	-	-	-
		58.373.435.615	58.373.435.615	-		39.000.000.000	39.000.000.000	-



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – dài hạn

		30/6/2026			1/1/2026						
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (i)	16,43%	5.333.332	27.776.985.675	-	412.266.563.600	16,43%	5.333.332	27.776.985.675	-	618.133.178.800
	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (i)	0,26%	67.082	2.790.867.722	(845.489.722)	1.945.378.000	0,26%	67.082	2.790.867.722	(1.107.109.522)	1.683.758.200
	Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (i)	1,00%	99.825	971.029.662	-	2.495.625.000	1,00%	99.825	971.029.662	-	2.545.537.500
	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	0,16%	46.816	300.659.375	-	(ii)	0,16%	46.816	300.659.375	-	(ii)
	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidiapha (i)	0,10%	21.600	472.871.724	-	1.252.800.000	0,10%	21.600	472.871.724	-	1.252.800.000
	Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ thương mại Tuyền Quang	0,36%	18.000	197.784.303	-	(ii)	0,36%	18.000	197.784.303	-	(ii)
	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam	<0,01%	10	1.000.000	-	(ii)	<0,01%	10	1.000.000	-	(ii)
				32.511.198.461	(845.489.722)			32.511.198.461	(1.107.109.522)		

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty này được xác định bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- (ii) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

ĐẠI BIỂU QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội – Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)	-	-	8.049.432	-
Các bên khác				
Bệnh viện Chợ Rẫy	16.860.487.870	-	17.747.435.470	-
Bệnh viện Quân Y 175	22.562.970.670	-	12.146.953.600	-
Bệnh viện Bạch Mai	21.760.046.540	-	8.125.980.000	-
Các khách hàng khác	599.090.297.239	(4.933.097.751)	551.569.359.044	(7.018.949.026)
	660.273.802.319	(4.933.097.751)	589.597.777.546	(7.018.949.026)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	VND	VND
Các khoản nhận ủy thác	2.510.752.452	-
Ký quỹ, ký cược	5.000.000	16.070.000
Phải thu ngắn hạn khác	13.892.937.191	13.388.900.672
	16.408.689.643	13.404.970.672

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược	67.550.400	739.550.400

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2026			1/1/2026			
		Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Bệnh viện 30-4	Trên 2 năm	1.180.366.679	(1.137.369.179)	42.997.500	Trên 2 năm	1.180.366.679	(1.094.851.179)	85.515.500
Bệnh viện Đa khoa Sóc Trăng	Trên 6 tháng	411.844.100	(109.444.100)	302.400.000	Trên 6 tháng	1.124.639.000	(364.831.700)	759.807.300
Khác	Trên 6 tháng	8.590.715.183	(3.686.284.472)	4.904.430.711	Trên 6 tháng	11.648.974.878	(5.559.266.147)	6.089.708.731
		10.182.925.962	(4.933.097.751)	5.249.828.211				

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	16.309.037.972	-	67.674.699.761	-
Hàng hóa	853.018.620.315	(610.302.571)	975.302.185.365	(10.269.931.490)
	869.327.658.287	(610.302.571)	1.042.976.885.126	(10.269.931.490)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	158.885.859.998	36.922.267.023	21.120.475.247	3.423.566.189	220.352.168.457
Mua trong kỳ	-	2.280.534.080	-	-	2.280.534.080
Số dư cuối kỳ	158.885.859.998	39.202.801.103	21.120.475.247	3.423.566.189	222.632.702.537
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	105.579.351.961	33.582.018.262	16.439.379.275	3.354.643.709	158.955.393.207
Khấu hao trong kỳ	2.452.579.767	774.684.114	720.492.162	50.742.286	3.998.498.329
Số dư cuối kỳ	108.031.931.728	34.356.702.376	17.159.871.437	3.405.385.995	162.953.891.536
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	53.306.508.037	3.340.248.761	4.681.095.972	68.922.480	61.396.775.250
Số dư cuối kỳ	50.853.928.270	4.846.098.727	3.960.603.810	18.180.194	59.678.811.001

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 124.214 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 121.093 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang được sử dụng:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Nhà Văn phòng, 87 Nguyễn Văn Trỗi	33.409.023.523	33.409.023.523
Kho Tân Tạo, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	30.994.901.884	30.994.901.884
Kho Tân Tạo 2	25.994.329.316	25.994.329.316
	90.398.254.723	90.398.254.723

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	27.870.452.800	2.701.213.200	30.571.666.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.539.680.000	2.539.680.000
Số dư cuối kỳ	27.870.452.800	5.240.893.200	33.111.346.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Khấu hao trong kỳ	-	126.984.000	126.984.000
Số dư cuối kỳ	5.220.000	2.828.197.200	2.833.417.200
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	27.865.232.800	-	27.865.232.800
Số dư cuối kỳ	27.865.232.800	2.412.696.000	30.277.928.800

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 2.706 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 2.706 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định vô hình chủ yếu đang được sử dụng:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Quyền sử dụng đất - Văn phòng Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	17.947.900.000	17.947.900.000
Quyền sử dụng đất - Chi nhánh Đà Nẵng (số 2)	5.505.000.000	5.505.000.000
Quyền sử dụng đất - Chi nhánh Bắc Giang	3.780.000.000	3.780.000.000
	27.232.900.000	27.232.900.000

17. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Chi phí đất	Khác	Tổng cộng
	trả trước	VND	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	23.912.740.583	972.421.453	24.885.162.036
Tăng trong kỳ	-	1.248.409.630	1.248.409.630
Phân bổ trong kỳ	(510.623.136)	(286.848.702)	(797.471.838)
Số dư cuối kỳ	23.402.117.447	1.933.982.381	25.336.099.828

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	122.060.514	1.612.674.572
Chi phí thường kinh doanh trích trước	20%	900.000.000	900.000.000
Chi phí tư vấn luật	20%	-	16.050.400
		1.022.060.514	2.528.724.972

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Công ty có chung thành viên HĐQT	7.451.948.525	9.021.725.182
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm – Công ty liên kết của Công ty mẹ	3.533.068.244	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội – Công ty có chung thành viên HĐQT	16.083.092	99.693.997
Các bên khác		
Calltrion, Inc.	174.670.309.602	195.096.097.291
Novapri Lifescience Private Limited	50.993.040.811	-
Công ty Cổ phần 4-Life Việt Nam	47.135.146.151	34.786.455.105
Angeion Medical International Pte. Ltd.	46.737.507.090	40.585.361.370
Công ty TNHH Hyphens Pharma	27.145.274.271	86.327.651.821
Ever Neuro Pharma GMBH	14.952.747.072	14.390.668.703
Các nhà cung cấp khác	277.484.451.292	276.478.503.440
	650.119.576.150	656.786.156.909

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2026			30/6/2026			
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phát sinh tăng trong kỳ VND	Số đã cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	57.201.433	72.621.461.600	(72.205.367.723)	(464.740.779)	-	8.554.531
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	23.012.887.943	-	(23.012.887.943)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	1.539.811.822	-	(1.539.811.822)	-	-
Thuế sử dụng đất	2.670.219.171	-	7.085.879.987	-	(4.415.660.816)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	351.765.138	1.285.075.321	-	(2.124.690.201)	487.849.742	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.149.802.003	17.340.094.838	-	(8.697.048.983)	-	11.792.847.858
Các loại thuế khác	-	16.882.091.570	2.773.232.691	-	-	-	19.655.324.261
	2.670.219.171	20.440.860.144	125.658.444.202	(72.205.367.723)	(40.254.840.544)	487.849.742	31.456.726.650

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí thưởng kinh doanh trích trước	4.500.000.000	4.500.000.000
Lãi vay	1.046.961.909	539.737.482
Khác	542.353.105	746.881.101
	6.089.315.014	5.786.618.583

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Phải trả hàng ủy thác	3.016.528.311	3.606.624.114
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.508.929.880	130.325.888
Các khoản phải trả phải nộp khác	474.257.627	1.017.406.100
	4.999.715.818	4.754.356.102

23. Vay ngắn hạn

	1/1/2026	Số phát sinh trong kỳ		30/6/2026
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng (*)	601.746.667.651	676.542.982.880	(866.764.914.310)	411.524.736.221
Vay cá nhân (**)	9.129.000.000	300.000.000	(2.573.000.000)	6.856.000.000
	610.875.667.651	676.842.982.880	(869.337.914.310)	418.380.736.221

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Các khoản vay tín chấp	Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Khoản vay ngân hàng 1	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Sở Giao dịch	VND	4 % - 7,6%	87.324.544.508	147.496.530.252
Khoản vay ngân hàng 2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	3,7% - 7,3%	11.508.733.839	109.585.026.864
Khoản vay ngân hàng 3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở Giao dịch	VND	4,3% - 6,8%	-	108.168.935.469
Khoản vay ngân hàng 4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	VND	4,5% - 7,7%	81.827.055.459	96.715.532.781
Khoản vay ngân hàng 5	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung	VND	4,5%	-	96.611.295.602
Khoản vay ngân hàng 6	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	VND	4,2% - 6,5%	85.570.069.354	39.741.071.833
Khoản vay ngân hàng 7	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	4,4% - 7,6%	7.257.168.210	3.428.274.850
Khoản vay ngân hàng 8	Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	VND	6,6% - 6,9%	15.823.948.249	-
Khoản vay ngân hàng 9	Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	VND	6,6% - 7,7%	70.472.937.381	-
Khoản vay ngân hàng 10	Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	3,8% - 7,8%	51.740.279.221	-
				411.524.736.221	601.746.667.651

(**) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ cá nhân được trình bày như sau:

Các khoản vay tín chấp	Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Vay cá nhân	Các nhân viên công ty và cá nhân khác	VND	6,8%	6.856.000.000	9.129.000.000



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi và các chế độ khác cho người lao động theo chính sách của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.179.917.340	7.080.039.522
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.178.318.188	9.765.973.818
Sử dụng quỹ trong kỳ	(86.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	29.272.235.528	16.846.013.340

101
NG
PH
C P
NG I
PC
PHO
T.T.T.T.
MÔI

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Các cổ đông lớn của Công ty bao gồm:

	30/6/2026			1/1/2026		
	Tỷ lệ sở hữu	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tỷ lệ sở hữu	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	65,41%	13.721.550	13.721.550	65,41%	13.721.550	13.721.550
Ông Lê Nam Thắng	8,05%	1.689.000	1.689.000	8,05%	1.689.000	1.689.000
Bà Lê Thị Kim Ánh	7,24%	1.518.800	1.518.800	7,24%	1.518.800	1.518.800
Ông Nguyễn Doãn Liên	5,77%	1.210.940	1.210.940	5,77%	1.210.940	1.210.940
Cổ đông khác	13,53%	2.838.710	2.838.710	13,53%	2.838.710	2.838.710
Tổng cộng	100%	20.979.000	20.979.000	100%	20.979.000	20.979.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 52.448 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: 25.175 triệu VND).

28. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đến 1 năm	8.900.730.570	8.900.730.535
Từ 1 - 5 năm	43.790.860.660	43.790.860.670
Trên 5 năm	101.492.674.310	105.835.767.912
	154.184.265.540	158.527.359.117

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Thời hạn thuê	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Lô đất 87 Nguyễn Văn Trỗi	50 năm	21.924.010.140	22.480.956.924
Lô đất 136 Nguyễn Lương Bằng	50 năm	1.368.760.779	1.407.985.874
Lô đất tầng 1 tòa nhà HA 105-106 Nguyễn Công Trứ	Hàng năm	142.558.438	142.558.438
Lô đất 356-356A Giải Phóng	50 năm	130.748.936.183	134.495.857.881
		154.184.265.540	158.527.359.117

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/6/2026	1/1/2026
Hàng hóa giữ hộ bên thứ ba:		
- Thuốc kê đơn:		
Ống	3.000	24.700
Túi	26.040	3.900
Lọ	14.530	3.115
Chai	26.495	13.101
Viên	882.408	320.922
Hộp	-	450.000
- Thiết bị y tế:		
Chiếc	4.207	222.500
Bộ	300	-
Cây	40.000	-
Đôi	784.100	-
Hộp	60	-
Lít	3.750	-
Miếng	110.000	-
Sợi	59.700	-

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (USD)	16.452	431.183.451	11.826	309.865.149
Euro (EUR)	247	7.444.687	258	7.864.308
		<u>438.628.138</u>		<u>317.729.457</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.239.970.653.597	1.024.810.542.436
▪ Cung cấp dịch vụ	4.183.684.195	4.393.207.505
▪ Cho thuê	2.095.887.459	3.484.450.410
	1.246.250.225.251	1.032.688.200.351

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Trình bày lại
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	1.089.871.387.883	878.049.529.905
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.659.628.919)	(926.811.487)
	1.080.211.758.964	877.122.718.418

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.411.999.088	11.967.849.934
Cổ tức, lợi nhuận được chia	206.536.000	241.445.786
Lãi tiền gửi	1.913.265.650	10.845.821
Doanh thu tài chính khác	34.545.889	33.144.164
	10.566.346.627	12.253.285.705

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	14.479.522.283
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.017.852.015	4.507.339.703
Chi phí lãi vay	16.262.860.595	8.401.478.788
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(261.619.800)	(28.421.953)
	18.019.092.810	27.359.918.821

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	25.546.574.068	27.491.870.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.316.798.397	11.238.073.315
Chi phí vật liệu, bao bì	1.791.207.057	2.184.180.411
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.125.482.329	3.612.986.682
Chi phí bán hàng khác	24.573.868.333	15.710.527.382
	65.353.930.184	60.237.638.162

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.006.824.945	7.812.134.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.196.254	164.998.902
Chi phí thuê đất	510.623.136	6.035.780.927
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.085.851.275)	(271.798.591)
Chi phí hao mòn	-	510.623.139
Chi phí công cụ dụng cụ	86.207.972	1.217.113.778
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.681.375.791	3.310.381.018
	8.244.376.823	18.779.233.889

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Trình bày lại
Chi phí mua hàng hóa để bán	916.222.161.044	863.513.673.709
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	(9.659.628.919)	(926.811.487)
Chi phí nhân viên	32.553.399.013	35.304.005.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.361.994.651	11.403.072.217
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.085.851.275)	(271.798.591)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.187.264.007	2.184.180.411
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.636.105.465	4.123.609.821
Chi phí khác	26.945.395.146	26.273.803.105
	980.160.839.132	941.603.734.273

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	15.585.943.122	14.812.271.039
Dự phòng thiếu năm trước	1.754.151.716	-
	17.340.094.838	14.812.271.039
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.506.664.458	(1.384.800.000)
Tổng cộng	18.846.759.296	13.427.471.039

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Trình bày lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	82.259.803.996	64.415.967.298
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	16.451.960.799	12.883.193.460
Chi phí không được khấu trừ thuế	681.953.981	592.566.735
Thu nhập miễn thuế	(41.307.200)	(48.289.156)
Dự phòng thiếu năm trước	1.754.151.716	-
	18.846.759.296	13.427.471.039

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

37. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được dựa trên số lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, cho kỳ kế toán là 56.426 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 44.360 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 20.979.000 cổ phiếu (2025: 20.979.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Trình bày lại
Lợi nhuận thuần trong kỳ	63.413.044.700	50.988.496.259
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	(6.987.067.273)	(6.628.504.514)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.425.977.427	44.359.991.745

(*) Số lợi nhuận sau thuế của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được điều chỉnh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 4 năm 2026. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được trình bày lại để phản ánh điều chỉnh này.

Tại ngày báo cáo, Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 sẽ được phân bổ vào khen thưởng, phúc lợi theo mức kế hoạch năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	20.979.000	20.979.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần – Công ty mẹ		
Cổ tức công bố	34.303.875.000	16.466.836.680
Cổ tức đã trả	-	10.977.240.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm – Công ty liên kết của Công ty mẹ		
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.688.719.595	3.314.416.377
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội – Công ty có chung thành viên HĐQT		
Doanh thu bán hàng hóa	90.000.000	1.308.917.257
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Công ty có chung thành viên HĐQT		
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.840.146.980	7.548.581.986

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc		
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	175.000.000	159.000.000
Ông Nguyễn Huy Thanh	416.505.287	356.485.832
Bà Hà Lan Anh (<i>bổ nhiệm ngày 21/4/2026</i>)	13.636.364	-
Ông Nguyễn Doãn Liêm	58.000.000	61.950.000
Bà Trần Thị Kim Khánh	120.000.000	127.750.000
Ông Tạ Văn Dũng (<i>miễn nhiệm ngày 31/7/2026</i>)	538.196.931	394.381.818
Bà Nguyễn Thị Hòa	406.678.671	373.064.391
Bà Bùi Thị Thanh Hải	-	373.466.113
Ông Công Việt Hải	-	2.106.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, trên cơ sở biên bản kiểm tra thuế đối với niên độ tài chính 2024 - 2025 ký ngày 16 tháng 6 năm 2026 với Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện rà soát và điều chỉnh lại khoản mục Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ chuyển kỳ sau với tổng số tiền là 9.293 triệu VND. Căn cứ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 29 – “*Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót*”, Ban Tổng Giám đốc đã thống nhất thực hiện điều chỉnh hồi tố đối với chỉ tiêu Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tại thời điểm kết thúc niên độ trước, nhằm phản ánh chính xác và trung thực số liệu Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ được chuyển sang các kỳ tiếp theo.

Theo đó, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ này đã được điều chỉnh lại chi tiết như sau:

Báo cáo tình hình tài chính

		1/1/2026	
	Theo báo cáo trước đây VND	Trình bày lại VND	Đã trình bày lại VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	32.385.808.227	(9.292.723.543)	23.093.084.684
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	377.436.724.862	(9.292.723.543)	368.144.001.319
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối</i>			
<i>năm trước</i>	264.354.369.463	(4.810.292.382)	259.544.077.081
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	113.082.355.399	(4.482.431.161)	108.599.924.238

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025		
	Theo báo cáo trước đây VND	Trình bày lại VND	Đã trình bày lại VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	874.490.726.892	2.631.991.526	877.122.718.418
Lợi nhuận gộp	158.197.473.459	(2.631.991.526)	155.565.481.933
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	64.073.968.292	(2.631.991.526)	61.441.976.766
Lợi nhuận kế toán trước thuế	67.047.958.824	(2.631.991.526)	64.415.967.298

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025		
	Theo báo cáo trước đây VND	Trình bày lại VND	Đã trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	67.047.958.824	(2.631.991.526)	64.415.967.298
Tăng các khoản phải thu	(82.482.683.827)	2.631.991.526	(79.850.692.301)

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập

Trương Thị Huệ
Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người được ủy quyền của
người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Huy Thanh
Phó Tổng Giám đốc

